

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 349/2023/DS-PT

Ngày: 26-6-2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Bà Nguyễn Ái Đoan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 586/2023/QĐPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:**

1. Ông Lê Thanh V, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Thị Mỹ H1, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Phạm Thành H2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Hồ Thị Ngọc N, bị đơn Lê Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc N trình bày:

Về hợp đồng góp hụi: Bà N có tham gia các dây hụi do vợ chồng bà Phạm Thị Thúy H, ông Lê Thanh V làm thảo hụi. Bà H là người đại diện giao dịch góp hụi; cụ thể:

Dây hụi mở ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 28 phần, bà N tham gia 11 phần. Hụi mãn ngày 15/02/2023 âm lịch.

Bà N hốt được 03 phần, không rõ số tiền đã hốt và đóng hụi chết đầy đủ đến kỳ hụi tháng 7/2022. Đầu tháng 8/2022 vợ chồng bà H kêu bẻ hụi; nên bà N không đóng hụi chết; 03 phần hụi này thì bà N còn nợ tiền hụi chết vợ chồng bà H là 07 kỳ hụi, thành tiền là 21.000.000 đồng.

Còn lại 08 phần hụi bà N tham gia của dây hụi này thì bà N đã đóng hụi sống đầy đủ mỗi tháng 800.000 đồng/phần cho đến tháng 7/2022, sau đó vợ chồng bà H kêu bẻ hụi, chưa trả tiền hụi sống lại cho bà N. Ngày 28/8/2022 bà H xác nhận nợ hụi sống của bà N 08 phần với số tiền là 134.400.000 đồng.

Trừ tiền hụi sống và hụi chết thì dây hụi này vợ chồng bà H còn nợ bà N số tiền 113.400.000 đồng.

+ Hụi mua ngày 07/02/2021: Bà N mua của vợ chồng bà H 02 phần hụi của dây hụi mở cùng ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng với số tiền 33.400.000 đồng.

+ Hụi mua ngày 10/3/2021 âm lịch: Bà N mua của vợ chồng bà H 02 phần hụi của dây hụi mở cùng ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng với số tiền 34.200.000 đồng.

+ Hụi mua ngày 06/02/2020 âm lịch, với số tiền 32.980.000 đồng.

Các dây hụi này đều có lập giấy, có chữ ký của bà H.

Về hợp đồng vay tài sản:

+ Ngày 25/02/2022, bà N cho bà H mượn 80.000.000 đồng, hẹn trả ngày 25/5/2022 trả nợ, có lập giấy biên nhận có chữ ký của bà H và người làm chứng Phạm Thành H2.

+ Ngày 10/3/2022, bà N cho bà H mượn 20.000.000 đồng, hẹn trả ngày 10/6/2022, có chữ ký của bà H và người làm chứng Lê Thị Mỹ H1.

Tổng số tiền hui và tiền mượn vợ chồng bà H nợ bà N số tiền 313.980.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu bà H và ông V liên đới trả lại cho bà N số tiền 281.000.000 đồng (trong đó tiền hui 181.000.000 đồng và tiền mượn 100.000.000 đồng); yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà N rút lại yêu cầu bà H và ông V trả số tiền hui mua ngày 06/12/2020 âm lịch 32.980.000 đồng.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Thanh V có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Việc tham gia góp hui và vay, mượn tiền giữa bà H với bà N, ông V không biết. Ông V không có sử dụng số tiền hui và tiền vay, mượn của bà H. Ông V không đồng ý liên đới với bà H trả tiền cho bà N.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang căn cứ các Điều 463, 466; 471 khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc N.

1. Buộc bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Ngọc N số tiền 167.600.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Hồ Thị Ngọc N về việc yêu cầu Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V liên đới trả số tiền hui 32.980.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/02/2023 bị đơn Lê Thanh V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, ông không đồng ý liên đới với bà Phạm Thị Thúy H trả tiền cho bà Hồ Thị Ngọc N.

Ngày 28/02/2023 nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại án sơ thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc N, buộc anh Lê Thanh V và bà Phạm Thị Thúy H liên

đổi trả cho bà Hồ Thị Ngọc N số tiền 281.000.000 đồng, trong đó tiền hui là 181.000.000 đồng và tiền mượn là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà N kháng cáo có cung cấp được băng ghi âm, ghi hình nói chuyện với bà H có thừa nhận bà N tham gia 10 phần hui bà N đóng được 21 phần là 210.000.000 đồng đối chiếu với giấy hui bà H có ký tên xác nhận chưa giao 134.400.000 đồng, được trừ lại 21.000.000 đồng, còn lại 113.400.000 đồng. Bà N yêu cầu bà H, ông V trả tổng cộng số tiền 281.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông V đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần vắng mặt không lý do xem như từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà Hồ Thị Ngọc N và ông Lê Thanh V còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng góp hui,” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Ngọc N và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N có tham gia các dây hui do vợ chồng bà Phạm Thị Thúy H, ông Lê Thanh V làm thảo hui. Bà H là người đại diện giao dịch góp hui; cụ thể:

Dây hui mở ngày 15/11/2020 âm lịch, hui 1.000.000 đồng/tháng, có 28 phần, bà N tham gia 11 phần. Hui mãn ngày 15/02/2023 âm lịch.

Bà N hốt được 03 phần, không rõ số tiền đã hốt và đóng hui chết đầy đủ đến kỳ hui tháng 7/2022. Đầu tháng 8/2022 vợ chồng bà H kêu bẻ hui; nên bà N

không đóng hui chết; 03 phần hui này thì bà N còn nợ tiền hui chết vợ chồng bà H là 07 kỳ hui, thành tiền là 21.000.000 đồng.

Còn lại 08 phần hui bà N tham gia của dây hui này thì bà N đã đóng hui sống đầy đủ mỗi tháng 800.000 đồng/phần cho đến tháng 7/2022, sau đó vợ chồng bà H kêu bẻ hui, chưa trả tiền hui sống lại cho bà N. Ngày 28/8/2022 bà H xác nhận nợ hui sống của bà N 08 phần với số tiền là 134.400.000 đồng.

Trừ tiền hui sống và hui chết thì dây hui này vợ chồng bà H còn nợ bà N số tiền 113.400.000 đồng.

+ Hui mua ngày 07/02/2021: Bà N mua của vợ chồng bà H 02 phần hui của dây hui mở cùng ngày 15/11/2020 âm lịch, hui 1.000.000 đồng/tháng với số tiền 33.400.000 đồng.

+ Hui mua ngày 10/3/2021 âm lịch: Bà N mua của vợ chồng bà H 02 phần hui của dây hui mở cùng ngày 15/11/2020 âm lịch, hui 1.000.000 đồng/tháng với số tiền 34.200.000 đồng.

+ Hui mua ngày 06/02/2020 âm lịch, với số tiền 32.980.000 đồng.

Các dây hui này đều có lập giấy, có chữ ký của bà H.

Về hợp đồng vay tài sản:

+ Ngày 25/02/2022, bà N cho bà H mượn 80.000.000 đồng, hẹn trả ngày 25/5/2022 trả nợ, có lập giấy biên nhận có chữ ký của bà H và người làm chứng Phạm Thành H2.

+ Ngày 10/3/2022, bà N cho bà H mượn 20.000.000 đồng, hẹn trả ngày 10/6/2022, có chữ ký của bà H và người làm chứng Lê Thị Mỹ H1.

Tổng số tiền hui và tiền mượn vợ chồng bà H nợ bà N số tiền 313.980.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà N rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với phần hui mua ngày 06/02/2020 âm lịch, với số tiền 32.980.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là có căn cứ. Như vậy bà N còn yêu cầu khởi kiện bà H và ông V số tiền 281.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà H, ông V trả số tiền 167.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án cấp sơ thẩm không đối chiếu được giấy hui còn lại 08 phần chưa hót với số tiền 134.400.000 đồng trừ lại 21.000.000 đồng tiền hui chết còn lại 113.400.000 đồng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N với số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N cung cấp được băng ghi âm, ghi hình do bà N nói chuyện với bà H “bà N xác định có tham gia 10 phần hui do bà H làm chủ, hui 1.000.000 đồng bà N đóng được 21 phần là 210.000.000 đồng đúng không bà H có gật đầu. Tuy nhiên khi làm giấy hui do hui bẻ bà N chỉ nhận lại vốn mỗi phần 800.000 đồng, bà N còn lại 8 phần hui sống mỗi tháng đóng là 6.400.000 đồng x 21 tháng với số tiền 134.400.000 đồng chưa giao bà H có ký tên. Đối

chiếu giấy hội bà H có ký tên và băng ghi âm, ghi hình của bà H thì bà N khởi kiện bà Hằng số tiền 134.000.000 đồng trừ ra 21.000.000 đồng tiền hội chết là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Ngọc N, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

[5] Ông V kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ cùng với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy ông V với bà H là vợ chồng sống chung nhà, có con chung, bà H làm chủ hội, vay tiền hưởng huê hồng là sử dụng chung trong gia đình nên bà N yêu cầu bà H cùng ông V liên đới trả số tiền trên là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông V có người đại diện theo ủy quyền đã được tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do thì coi như đã từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông V.

[6] Xét ý kiến đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí phúc thẩm, S công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Lê Thanh V đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228, Khoản 3 Điều 296 khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 288, 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị Ngọc N.

Sửa bản án sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc N yêu cầu bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Ngọc N số tiền 281.000.000 đồng.

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Hồ Thị Ngọc N về việc yêu cầu Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V liên đới trả số tiền hội 32.980.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh V.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông Vũ c thi hành số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thúy H và ông Lê Thanh V phải chịu là 14.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Sung công quỹ số tiền 300.000 đồng ông Lê Thanh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0026881 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Bà N được nhận lại 7.849.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0026593 ngày 31/10/2022 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0026884 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 26/6/2023 có mặt nghe tuyên án bà N, đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Phòng KTNV &THA TAT;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em